

Phẩm 27: BỒ TÁT TRÚ XỨ

A. Giải thích tên gọi: Bồ-tát Đại Bi tùy theo phương tiện nhiếp hóa, nơi ứng vật gọi là trú xứ; người và xứ làm tên gọi.

B. Ý đưa ra cũng có hai: 1) Xa thì vốn là giải đáp về mười câu hỏi như tâm tùy hỷ... ở pháp đường Phổ Quang. 2) Gần là hiển bày về nơi chốn ứng cơ của Bồ-tát. Lại thế giới Hiền Thủ... ở phẩm trước đều là Tịnh độ đầy đủ Bồ-tát, không biết cõi Ta-bà nhiễm ô là có Bồ-tát hay không? Nay phân rõ về cõi này cũng có nơi chốn của vô lượng Bồ-tát, cho nên tiếp theo đưa ra.

C. Tông thú cũng có hai: 1) Tâm trú, nghĩa là Trí chứng được chân lý, Bi nghĩ đến chúng sinh. 2) Thân trú, nghĩa là Thật báo ở Tịnh độ mà Quyền hiện ở cõi nhiễm, đây là do Đại Bi dựa vào căn cơ mà trú, cũng do Đại Trí không phải thế gian làm cho vấy nhiễm. Nhờ vào Bi-Trí này không có hai tướng, cho nên trú mà không có trú xứ.

D. Giải thích văn: Bởi vì đối với trú xứ, hiểu biết đạt được tự tại, cũng là Tâm Vương thuyết giảng. Trong đó có ba: Một, Nêu ra trú xứ ở tám phương; Hai, Phân rõ trú xứ ở bốn biển; Ba, Trú xứ ở các nước.

Trong phần một: Tám phương chỉ dựa vào cõi này chứ không phải dựa theo phương khác. Ngay trong cõi này, chỉ dựa theo châu Diêm-phù-đề này, chứ không phải là châu khác.

1) Núi Tiên Nhân Khởi, phải là núi Bồng Lai ở Đông Hải...

2) Núi Lô Các, phải là trú xứ của Tự Tại Hải Sư bên tòa thành Lô Các ở bờ Nam Hải trong văn sau..., nhưng đối chiếu bản tiếng Phạm thì phải gọi là núi Thắng Phong.

3) Núi Kim Cang Viêm, phải là bên Tây Hải...

4) Núi Hương Tụ, phải là núi chúa Hương Sơn ở phía Bắc, núi chúa là bởi vì trong núi ấy có nhiều Bồ-tát an trú.

5) Núi Thanh Lương tức là ở Đại Châu, chính là núi Ngũ Đài. Trong đó hiện có chùa Cổ Thanh Lương, bởi vì mùa Đông-mùa Hạ đều có tuyết, cho nên lấy làm tên gọi. Núi này và sự linh ứng của Văn Thù..., có truyện ký gồm ba quyển, nói đầy đủ như truyện ký ấy.

6) Núi Chi Kiên Cố, đối chiếu bản tiếng Phạm chính xác gọi là núi Chế-đà, Trung Hoa gọi là Quy Tông, tức là giống như tháp, phải ở bờ biển hướng chánh Nam của nước này.

7) Núi Thọ Đề Quang Minh, phải là núi Quang Minh nối liền với trú xứ của Quán Âm trong văn sau, tiếng Phạm gọi là Thọ-đề, Trung Hoa nói là Chiếu Diệu.

8) Núi Hương Phong, phải ở phía Tây của Hương Sơn, bởi vì có Phong Huyệt.

Tám nơi này đều thuộc về núi, biểu thị cho nơi nuôi lớn đạo là ở núi rừng vắng lặng, vốn là nơi an trú của Hiền Thánh.

Trong phần hai là bốn biển rộng, có hai trú xứ.

1) Chỉ-đất, nói đầy đủ là Nặc-chỉ-đa, Trung Hoa nói là Dũng Xuất, là tên gọi của núi đảo giữa biển. Đàm-vô-kiệt, Trung Hoa nói là Pháp Sinh, cũng nói là Pháp Dũng.

2) Quật là nơi riêng biệt của biển, dựa theo bản tiếng Phạm thì phải gọi là Gian Thác Trang Nghiêm Quật.

Trong phần ba từ Tỳ-xá-ly... trở xuống là trình bày về trú xứ của Bồ-tát trong các nước, có mười ba xứ sở.

1) Tỳ-xá-ly là thuộc Trung Ấn-độ, cũng nói là Phệ-xá-ly, Trung Hoa gọi là thành Quảng Nghiêm, tức là nơi Duy-ma cư trú. Thành này về phía Nam 14-15 dặm có tòa tháp, là nơi 700 vị Hiền Thánh kết tập lại. Lại về phía Nam 80-90 dặm có Tăng-già-lam, bên cạnh có chỗ ngồi và di tích kinh hành của bốn Đức Phật quá khứ. Nói đầy đủ như trong Tây Vực Ký quyển thứ bảy.

2) Ba-liên-phát, nói đầy đủ là Ba-tra-lợi Bồ-đát-la. Ba-tra-lợi, đây là tên gọi của Hoàng Hoa, tức là hiệu của mẹ. Bồ-đát-la, Trung Hoa nói là Tử, là Nhi, tức là con của người nữ Hoàng Hoa ở thời đại trước, bắt đầu ở nơi này cho nên lấy làm tên gọi, cũng là nước Ma-kiệt thuộc Trung Thiên Trúc. Nói đầy đủ như trong Tây Vực Ký quyển thứ 8.

3) Ma-thâu-la, chính xác nói là Mạt-nậu-la, Trung Hoa nói là Khổng Tước, hoặc nói là Mật, đều là thời cổ xưa dựa vào sự việc làm tên gọi, là thuộc Trung Ấn-độ. Trong nước này có tháp của Xá-lợi-phát... và tháp của Văn Thù Sư Lợi. Từ Vương thành về phía Đông 5-6 dặm có chùa núi, là chùa do Ưu-ba-cúc-đa đã làm ra; trong mỏm núi phía Bắc có Thạch Thất, là nơi xếp thể độ người của Ưu-ba-cúc-đa. Lại ở phía Đông có khu rừng lớn, trong đó có dấu tích kinh hành của bốn Đức Phật quá khứ, cũng có nơi tu Định của 1250 người như Xá-lợi-phát... Nói đầy đủ như trong Tây Vực Ký quyển thứ bốn. Nhưng dựa theo bản tiếng Phạm, thì nơi này là tên gọi của hang núi.

4) Câu-trần-na, Câu-trần là họ, Na là pháp luật. Xưa có người Tiên đạt được năm Thông tên gọi Câu-trì, Trung Hoa nói là Đại Bồn, nghĩa là hồ lớn hình dạng tựa như chậu to. Người Tiên này ở nơi ấy tu Tiên, vì vậy lập thành tên gọi này. Người Tiên ấy ở nơi này nói rộng về pháp luật, nghĩa là các pháp như giữ gìn thanh tịnh-kinh hành-dưỡng

tánh..., khiến cho mọi người tu học, gắn bó với nhau không rời, mọi người cùng lấy họ là Câu-trần-na.

5) Nước Thanh Tịnh Bỉ Ngạn phải là thuộc Nam Ấn-độ. Mâu-chân, Trung Hoa nói là Giải Thoát, là tên gọi của rồng. Lân-đà, Trung Hoa nói là Xứ, tức là trú xứ của rồng Giải Thoát.

6) Phong Địa, là nơi có động gió tên gọi Vô Ngại, hang này do Long Vương làm ra.

7) Nước Cam-bồ, chính xác nói là Kiếm-bồ, là thuộc Bắc Ấn-độ, nước này có nhiều mỹ nữ, cho nên lấy làm tên gọi. Tối Thượng Từ, trong kinh Đại Tập gọi là Từ Quật.

8) Chân Đán, hoặc nói là Chấn Đán, hoặc nói là Chi Na, là tên gọi của nước Hán này. Núi Na-la-diên, Trung Hoa nói là núi Kiên Lao, bởi trong phạm vi của Thanh Châu có núi Đông Lao, phải là nơi này. Ở đó hiện còn có Thánh tích của Cổ Phật.

9) Nước Biên-di, dựa theo tiếng Phạm tựa như là nước Sơ-lặc, nay chỉ ở Giang Nam thuộc Nhuận Châu có núi Ngưu Đầu, trong núi đó hiện còn có chùa Phật Quật, thuộc biên giới Bắc Ấn-độ. Tương truyền rằng có hình bóng bốn vị Bích-chi Phật, luôn luôn xuất hiện. Lại ở Nhuận Châu này, thời xưa cũng có dân tộc Man ở nơi này, hiện còn có lăng tẩm của Man Vương, cho nên cũng gọi là Biên-di.

10) Kế Tân, chính xác nói là Ca-thấp-di-la, Trung Hoa gọi là A Thù Nhập. Nước này xưa kia là hồ lớn, bởi vì Mạt-điền-đế, vào sau khi Đức Phật diệt độ, đi đến nơi rồng ở hồ ấy, xin chỗ vừa đặt đầu gối. Rồng trong hồ đã hứa cho, La-hán phát ra lực thần thông, làm cho thân hình rộng lớn, có được nhiều đất, liền có thể tạo lập đất nước và xây dựng Tăng-già-lam, như Đức Phật đã thọ ký. Trong đó hiện còn có chùa Phật Nha và nơi năm trăm vị La-hán tạo luận Tỳ-bà-sa. Nói đầy đủ như trong Tây Vực Ký quyển thứ ba. Núi Tước-đê-thi, Trung Hoa nói là núi Viễn Văn, nghĩa là nhiều người ở cách xa mà đều nghe tiếng, tức là nước này ở nơi bốn phía là núi.

11) Nan-đề Bạt-đàn-na: Nan-đề, Trung Hoa nói là Hỷ; Bạt-đàn-na, Trung Hoa nói là Tăng Trưởng, tức là thuộc Nam Ấn-độ. Thê-la-phù-ha, Trung Hoa nói là Thượng Tọa, tức là tên gọi của Tôn giả, bởi vì ở trong hang này, nhân đó lấy làm tên gọi. Văn Thù Vấn Kinh Thể Tỳ Lý Bộ, Trung Hoa nói là Thượng Tọa Bộ, giống như tên gọi này.

12) Nước Am-phù-lê-ma, chính xác nói là Am-la, Trung Hoa nói là Vô Cấu, là tên gọi của trái cây. Bởi vì trái cây này có thể chữa lành các bệnh dơ bẩn, cho nên nói là Vô Cấu. Nước ấy có nhiều trái cây này,

cho tên gọi là Rài-lê-ma. Ngay thẳng đối tri là vay quanh co, nhờ vào đây làm tên gọi.

13) Nước Càn-đà-la, chính xác nói là Kiến-đà, Trung Hoa nói là Hương; Đà-la, Trung Hoa nói là Biến, nghĩa là ở khắp nơi nước này, cỏ thơm phát ra trước, cho nên lấy làm tên gọi. Hang Tịch Tĩnh, tương truyền là hang giữ lại hình ảnh của Đức Phật, nói đầy đủ như trong Tây Vực Ký và Nguyệt Tạng quyển thứ mười trong kinh Đại Tập.

Trên đây là trình bày về trú xứ của Bồ-tát ở cõi Diêm-phù-đề này, thế giới hệ còn lại đều dựa theo đây. Còn lại thế giới Tu-di và thế giới hình dạng cây cối(Thọ hình)..., đều dựa theo đây mà vô tận vô tận.
